

CÔNG TY CP VẬN TÀI 1 TRACO

Trụ sở chính: số 45 Đinh Tiên Hoàng,
p. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
MST: 0200380768

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025
(*đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY - Chi nhánh Hải Phòng*)

I. Bảng cân đối kế toán

TT	Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	SS %
I	Tài sản ngắn hạn	145.310.549.821	138.189.403.980	105,15
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.026.534.885	13.993.807.852	171,69
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	109.711.167.718	117.902.057.255	93,05
4	Hàng tồn kho	10.464.266.980	5.757.539.441	181,75
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.108.580.238	535.999.432	206,82
II	Tài sản dài hạn	86.129.075.633	70.363.738.008	122,41
1	Tài sản cố định	73.864.212.895	57.417.999.431	128,64
	- Tài sản cố định hữu hình	57.647.414.575	54.213.338.644	106,33
	- Tài sản cố định vô hình	3.132.142.027	3.204.660.787	97,74
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.084.656.293		
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	400.000.000	400.000.000	100,00
3	Tài sản dài hạn khác	11.864.862.738	12.545.738.577	94,57
	Tổng cộng tài sản	231.439.625.454	208.553.141.988	110,97
III	Nợ phải trả	112.378.759.201	96.036.770.793	117,02
1	Nợ ngắn hạn	111.478.759.201	95.136.770.793	117,18
2	Nợ dài hạn	900.000.000	900.000.000	100,00
IV	Vốn chủ sở hữu	119.060.866.253	112.516.371.195	105,82
1	Vốn chủ sở hữu	119.060.866.253	112.516.371.195	105,82
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.924.900.000	45.924.900.000	100,00
	- Thặng dư Vốn cổ phần	4.318.054.800	4.318.054.800	100,00
	- Vốn khác của chủ sở hữu	800.752.380	800.752.380	100,00
	- Quỹ ĐTPPT	40.089.931.911	36.089.931.911	111,08
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.892.227.162	25.347.732.104	110,04
	- Nguồn Vốn đầu tư XDCCB	35.000.000	35.000.000	100,00
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
	Tổng cộng nguồn vốn	231.439.625.454	208.553.141.988	110,97

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

TT	Chi tiêu	Năm 2025	Năm 2024	SS %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	522.577.909.317	501.536.417.192	104,20
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	522.577.909.317	501.536.417.192	104,20
4	Giá vốn hàng bán	454.772.091.294	446.690.772.660	101,81
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.805.818.023	54.845.644.532	123,63
6	Doanh thu hoạt động tài chính	137.367.688	85.991.400	159,75
7	Chi phí tài chính	1.259.590.328	1.341.898.351	93,87
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.946.959.791	34.443.358.401	124,69
10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	23.736.635.592	19.146.379.180	123,97
11	Thu nhập khác	2.332.645.422	413.631.936	563,94
12	Chi phí khác	4.142.447.384	1.865.086.327	222,10
13	Lợi nhuận khác	(1.809.801.962)	(1.451.454.391)	124,69
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.926.833.630	17.694.924.789	123,92
15	CP thuế TNDN hiện hành	5.115.856.572	3.617.414.413	141,42
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.810.977.058	14.077.510.376	119,42
17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	3.661	2.630	139,19

III. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chi tiêu		Năm 2024	SS %
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản		37,21	33,74
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản		62,79	94,75
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		48,56	46,05
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		51,44	53,95
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Hiện hành (Tổng TSNH/Nợ phải trả NH)		1,30	1,45
	- Nhanh (TSNH - HTK)/Nợ NH)		1,21	1,39
	- Tức thời (Tiền và tương đương tiền)/Nợ NH)		0,22	0,15
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (LNST)	%		
	- Tỷ suất LNST/ Tổng Tài sản bình quân		7,64	7,24
	- Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần		3,22	2,81
	- Tỷ suất LNST/ nguồn vốn chủ sở hữu bình quân		14,52	12,84



Hải Phòng, ngày 24/3/2026

Tổng Giám đốc Đỗ Minh Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Tuấn